

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43 /2021/HNGĐ-ST

Ngày 05 tháng 8 năm 2021

Về việc “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Đô

2. Ông Lê Thanh Miện

- Thư ký phiên tòa: Lê Ngọc Mai- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phùng Anh Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/8/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45 /2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Văn Thị H, sinh năm 1967(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cư trú: thôn Sơn Q 5, xã Lương P, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Ông Lưu Văn TH- Sinh năm 1966 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cư trú: thôn Sơn Q 5, xã Lương P, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2021, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Văn Thị H trình bày:

Bà và ông Lưu Văn TH có tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương P, huyện Hiệp Hòa năm 1983, tuy nhiên do thời gian đã lâu nên không còn lưu giữ được giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống có thời gian dài sống bình thường hạnh phúc, đến khoảng năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn

nguyên nhân mâu thuẫn do ông TH hay uống rượu về hành hung, đánh chửi. Bà và ông TH đã ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, bà yêu cầu ly hôn ông Lưu Văn TH.

Về con chung: Bà và ông TH có 04 con chung gồm Lưu Văn Thạo – Sinh năm 1985; Lưu Thị Thu sinh năm 1987; Lưu Thị Huyền sinh năm 1991; Lưu Thị Yến sinh năm 1998 hiện các con chung đều đã trưởng thành, lập gia đình bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà và ông TH tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Vì lý do công việc, bà có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

* Bị đơn là ông Lưu Văn TH trình bày: Ông và bà Văn Thị H có tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương P, huyện Hiệp Hòa, giấy đăng ký kết hôn hiện nay không còn lưu giữ được. Quá trình chung sống vợ chồng có thời gian đầu sống bình thường, hạnh phúc, đến năm 2004 bà H bị xét xử về tội ma túy phải đi cải tạo, đến năm 2007 thì ông bị xử về tội ma túy phải đi cải tạo, sau khi cải tạo về thì vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay, ông thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà H có đơn xin ly hôn thì ông không đồng ý, trường hợp nếu bà H vẫn kiên quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý theo yêu cầu của bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 04 con chung gồm Lưu Văn Thạo – Sinh năm 1985; Lưu Thị Thu sinh năm 1987; Lưu Thị Huyền sinh năm 1991; Lưu Thị Yến sinh năm 1998 hiện các con chung đều đã trưởng thành, lập gia đình ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ, ruộng đất, công sức: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; Điều 28; Điều 35; Điều 39 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, Qn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Văn Thị H được ly hôn ông Lưu Văn TH.

2. Về án phí: Bà Văn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là bà Văn Thị H và bị đơn là ông Lưu Văn TH đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự.

[2]- Về quan hệ hôn nhân: Bà Văn Thị H và ông Lưu Văn TH đều xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương P năm 1983 tuy nhiên do thời gian đã lâu nên không còn giữ được giấy đăng ký kết hôn, tại biên bản xác minh tại địa phương và biên bản xác minh với cụ Lưu Văn Hải là bố đẻ ông Lưu Văn TH thể hiện ông TH và bà H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương P năm 1983, UBND xã Lương P xác định sổ sách theo dõi về việc kết hôn hiện không còn lưu giữ được, nên không thể xác định được việc ông TH và bà H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương P hay không. Tuy nhiên quan xác minh thực tế tại địa phương và lời khai của các đương sự, giấy khai sinh của con Lưu Văn Thảo – Sinh ngày 09/01/1985 thì có thể xác định được vợ chồng ông TH và bà H đã chung sống với nhau từ trước năm 1987. Theo quy định tại khoản 1, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000) quy định về việc đăng ký kết hôn: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*; tuy nhiên tại điểm a, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định như sau: *“a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.”* Tại mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 quy định: *“...trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung”*

Đến trước thời điểm ngày 03/01/1987 thì bà H và ông TH có đủ điều kiện để kết hôn, đã tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới; sau khi cưới đã chung sống với nhau như vợ chồng một thời gian dài, có con chung, đã thực sự xây dựng gia đình - là đáp ứng đầy đủ các điều kiện về hôn nhân thực tế được quy định tại điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội “về

việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000”. Do đó, việc bà H, ông TH tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ trước năm 1987 đến nay dù có đăng ký kết hôn hay không đăng ký kết hôn thì vẫn được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống thời gian dài bình thường, hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau, bà H có đơn xin ly hôn ông TH không đồng ý, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, trường hợp bà H kiên quyết ly hôn thì ông TH đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã báo ông TH nhiều lần nhưng ông TH không đến Tòa án làm việc, không tham gia hòa giải, ông TH có đơn xin vắng mặt khi xét xử, chứng tỏ ông TH không thật sự tha thiết vợ chồng về đoàn tụ. Do đó, có cơ sở để xác định hôn nhân giữa bà H và ông TH không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: có 04 con chung gồm Lưu Văn Thạo – Sinh năm 1985; Lưu Thị Thu sinh năm 1987; Lưu Thị Huyền sinh năm 1991; Lưu Thị Yến sinh năm 1998 hiện các con đều đã trưởng thành, bà H và ông TH không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất, công sức: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên không xét.

Về án phí: Bà Văn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39 ;Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, Qn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Văn Thị H được ly hôn ông Lưu Văn TH.

2. Về án phí: Bà Văn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000751 ngày 26/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Lương P, huyện Hiệp Hòa;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Ngô Thanh Thuần

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Đô Lê Thanh Miện

Ngô Thanh Thuận

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Lương P, huyện Hiệp Hòa;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thanh Thuận

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa